

Bài văn mẫu Phân tích bài Tương tư tuyển chọn, hay nhất sẽ giúp các em học sinh đưa ra các lập luận, lý lẽ chính xác và ý nghĩa nhất để hoàn thành xuất sắc bài viết của mình.

Bài văn mẫu số 1: Phân tích bài Tương tư

Nguyễn Bính (1918 - 1966) tên khai sinh là Nguyễn Bính Tuyết. Thuở nhỏ, ông học ở quê nhà, biết làm thơ từ năm 13 tuổi. Năm 1937, tập thơ Tâm hồn tôi được Tự lực văn đoàn trao giải. Năm 1945, Nguyễn Bính vào Nam Bộ. Cách mạng Tháng Tám bùng nổ rồi kháng chiến chống Pháp, ông ở lại tham gia kháng chiến Nam Bộ, phụ trách đoàn Văn hóa Cứu quốc tỉnh Rạch Giá. Sau đó, ông chuyển sang công tác ở Ban văn nghệ khu Tám, sáng tác thơ, viết truyện kí và tùy bút. Năm 1954, Nguyễn Bính tập kết ra Bắc, tiếp tục sáng tác, là Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Năm 1956, ông chủ trương tờ báo Trăm hoa. Cuối đời, ông sống ở Nam Định

Nguyễn Bính là một trong những nhà thơ tiêu biểu của phong trào Thơ mới. Song trong khi hầu hết các thi sĩ trong phong trào Thơ mới đều chịu ảnh hưởng sâu đậm của thơ ca lãng mạn Pháp thì Nguyễn Bính về với văn hóa dân gian, gắn bó với môi trường bình dị, thân thuộc của đồng quê, qua những hàng cau, giàn trầu, rặng mồng tơi, cây đa, giếng nước, sân đình... Cùng với Anh Thơ, Đoàn Văn Cừ, Bằng Bá Lân... ông đã góp một dòng thơ, phái thơ riêng - Thơ mới dân gian, làm phong phú hơn cho thơ mới.

Tương tư rút tông tập thơ Lỡ bước sang ngang, tập thơ nổi tiếng và tiêu biểu cho phong cách thơ Nguyễn Bính trước cách mạng.

"Tương tư" có nghĩa là nhớ nhau, nhưng tâm trạng tương tư không chỉ đơn thuần là nhớ nhung. Nỗi tương tư trong bài thơ này là một phức hợp các cảm xúc khác nhau, với những diễn biến không hề xuôi chiều. Bắt đầu là sự nhớ nhung:

Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông

Một người chín nhớ mười thương một người

Rồi đến bữa khoản hồn dỗi:

Hai thôn chung lại một làng

Cớ sao bên ấy không sang bên này?

Đến than thở:

Ngày qua ngày lại qua ngày

Lá xanh nhuộm đã thành cây lá vàng

Đến hồn trách mắt mê:

Bảo rằng cách trở ò ngang

Không sang là chẳng đường sang đã dành

Nhưng đây cách một đầu đình

Có xa xôi mấy mà tình xa xôi?

Rồi nôn nao mơ tưởng:

Bao giờ bến mới gặp đò

Hoa khuê các bướm giang hồ gặp nhau

Đến những ước vọng xa xôi

Nhà em có một giàn giầu

Nhà anh có một hàng cau liên phòng

Tất cả diễn biến theo lối xen lồng và chuyển hóa nhau rất tự nhiên, chân thực.

Trong bài thơ, chàng trai có ý trách móc cô gái:

Bề ngoài, điều này là vô lí. Trong tình yêu, người chủ động đi đến phải là người con trai, đằng này lại trong vai thụ động ngồi chờ đợi mới có thể bộc bạch được tâm trạng tâm tư của một người trai quê như thế, Thứ hai, lối trách móc này không phải vì ghét, không giống như sự qui kết trách nhiệm, đổ lỗi thông thường. Mà trách vì yêu. Do quá mong nhớ, bị nỗi nhớ mong giày vò người trong cuộc dễ tưởng mình bị hờ hững, nên sinh ra "hờn ngược, trách xuôi" thôi, không có hàm ý ghét bỏ. Nói khác đi, trách chỉ là một cách bộc bạch tình yêu. Người đời cũng gọi thể là "trách yêu".

Người xưa nói:

"Nhất nhật bất kiến như tam thu hề"

(Một ngày không gặp mặt dài như ba mùa thu)

Đề chỉ nỗi nhớ mong của những người đang yêu

Trong bài thơ này, tâm trạng đang chờ đợi, nhớ mong cũng được diễn đạt bằng những hình ảnh thật sắc sảo:

Ngày qua ngày lại qua ngày

Lá xanh nhuộm đã thành cây lá vàng

Câu lục ngắt nhịp 3/3 phá đi cái nhịp thông thường của thơ lục bát (2/2/2). Ý và lời về sau lặp lại về trước. Cách ngắt nhịp này khiến chữ "lại" ở đầu nhịp sau trở thành điểm nhấn của ngữ

điệu. Nó gọi được dòng thời gian cứ trôi qua hết sức chậm chạp, ngày mới chỉ còn là sự lặp lại ngày cũ một cách chán ngán và vô vọng. Cả việc ngắt nhịp, lặp lại về câu và nốt nhấn giọng ở chữ "lại" khiến cho giọng thơ vang kên như một lời than thở, kể lể ngán ngẩm. Tất cả điều đó làm hiện lên hình ảnh của một người con trai với tâm trạng nóng lòng chờ trông đến mỗi morn.

Câu hát diễn tả thời gian và tâm trạng một cách thật tinh tế và ý nhị. Thời gian diễn ra ở câu trên đã chậm chạp sót ruột, nhưng mới qua lời kể lể thôi. Đến câu này, thời gian mới hiện lên sinh động. Thời gian có màu, đúng hơn, thời gian hiện lên qua việc chuyển màu: lá xanh chuyển thành lá vàng. Ngày anh bắt đầu đợi chờ, cây hãy còn xanh, đến nay lá xanh đã ngã sang vàng cả rồi, thế mà vô vọng vẫn hoàn vô vọng. Thời gian càng chậm, tâm trạng càng nặng nề, tâm trạng càng mỗi morn nôn nóng, thời gian càng chậm chạp lê thê. Nhưng điều tinh tế nhất là ở chữ "nhuộm". Thứ nhất, "nhuộm" diễn tả được thời gian chậm chạp. Thứ hai, "nhuộm" để ngỏ chủ thể. Ai nhuộm? Chủ thể này hàm ẩn. Không gian thời gian, cũng không hẳn là sự chuyển biến nội tại của cây lá. Tương tư đã khiến lòng người héo hon, đã nhuộm cây héo úa. Kể tương tư và cái cây ấy có mối tương giao thật kì lạ. Cây vừa là nhân chứng của mối tương tư, là đồng minh của kẻ tương tư, là nạn nhân của bệnh tương tư, mà tựu trung, là hiện thân của nỗi tương tư đó. Có thể xem cái kia cũng là cây tương tư được chứ sao!. Lối diễn đạt như thế thật tinh tế ý nhị.

Nỗi tương tư của chàng trai và qua đó là mối nhân duyên của đôi trai gái này càng đậm nét chân quê hơn vì nó gắn liền với khung cảnh và cây cỏ chốn quê.

Trong nỗi nhớ nhung của chàng trai hiện lên những chi tiết về những địa danh, cảnh vật, cây cỏ... thuộc về chốn quê bao đời: thôn Đoài, thôn Đông, đò giang, bến đò, hoa bướm, giàn giầu, hàng cau...

Những chi tiết này vừa tạo ra không gian quê khiến cho nhân vật trữ tình bày tỏ mối tương tư, vừa là phương tiện, thậm chí, là ngôn ngữ nữa để nhân vật trữ tình diễn tả tâm trạng tương tư của mình một cách tự nhiên, kín đáo, ý nhị. Có như thế, tình và cảnh mới có thể hòa quyện vào nhau được.

Hình ảnh, tâm trạng và cách diễn tả đậm chất dân gian của thơ Nguyễn Bính trong bài thơ này, trước hết thể hiện ở cách tạo ảnh độc đáo: hình ảnh chàng trai thôn Đoài ngòi nhớ cô gái thôn Đông, đã khiến cho thi sĩ mở rộng ra và khái quát thành thôn Đoài ngòi nhớ thôn Đông. Đây không chỉ đơn thuần là cách nói vòng, mà quan trọng hơn, nó tạo ra hai nỗi nhớ song hành và chuyên hóa, gắn với hai chủ thể và hai đối tượng: người nhớ người và thôn nhớ thôn, chính vì có người nhớ người mà có thôn nhớ thôn. Nó tạo ra cho thủ pháp nhân hóa: "Thôn Đông ngòi nhớ...". Nhưng sâu xa hơn, nó còn biểu đạt được cả một quy luật tâm lí. Khi tương tư, thì cả không gian sinh tồn bao quanh chủ thể như cũng nhuốm mọi tương tư ấy, vì thế mà có hai miền không gian nhớ nhau. Tràn đầy cả bầu không gian tạo ra bởi hai thôn ấy là một nỗi nhớ nhung.

Thứ hai, nó được thể hiện nghệ thuật sử dụng các chất liệu ngôn từ chân quê, dân gian, địa danh "thôn Đoài", "thôn Đông" dùng thành ngữ "chín nhớ mười mong", dùng số từ "một", "chín", "mười",... cách tổ chức lời thơ độc đáo: nhà thơ đã sử dụng bút pháp tài tình để tạo ra khoảng cách, "thôn Đoài... thôn Đông", "một người... một người". Nhất là ở câu sau, hai đối tượng ở hai đầu xa cách, giữa họ là nhịp cầu "chín nhớ mười mong". Lối sử dụng ngôn từ này đã gọi được phong vị chân quê và thể hiện được giọng điệu kể lể rất phù hợp với việc bộc bạch nỗi tương tư của nhân vật trữ tình.

Khát vọng lứa đôi trong mỗi tương tư này còn được biểu hiện tinh vi bằng nhiều cặp đôi trong bài: thôn Đoài - thôn Đông, một người - một người, gió mưa - tương tư, tôi - nàng, bên ấy - bên này, hai thôn - một làng, bên - đò, hoa khuê các - bướm giang hồ, nhà anh - nhà em, giàn giàu - hàng cau, cau thôn Đoài - giàu thôn Đông.

Các cặp đối trên xuất hiện theo trình tự từ xa đến gần, cuối cùng dừng lại ở cặp đôi giàu - cau. Điều ấy cho thấy rõ, bên dưới nỗi tương tư là niềm khát khao gần kề, khao khát chung tình, khao khát nhân duyên, tình yêu gắn với hôn nhân là một đặc điểm quan niệm tình yêu trong thơ Nguyễn Bính (cũng giống với ca dao). Điều này thêm một minh chứng để khẳng định thêm rằng chất truyền thống, chất chân quê đã thấm sâu và hồn thơ Nguyễn Bính.

So sánh bài "Tương tư" của Nguyễn Bính với những Ca dao yêu thương, tình nghĩa (trong sách giáo khoa Ngữ văn 10 Nâng cao, tập một).

Những nét truyền thống về nghệ thuật: Đề tài tương tư, những hình ảnh thơ truyền thống (lá trầu xanh, trầu vàng, cau liên phòng, cách trở đò giang...) thể thơ lục bát..

Những cách tân nghệ thuật: Vận dụng sáng tạo thành ngữ "cách trở đò giang" - Yêu nhau mấy núi cũng trèo/ Mấy sông cũng lội mấy đèo cũng qua", "chín nhớ mười mong" ...

Bài văn mẫu số 2: Phân tích bài Tương tư

Nguyễn Bính là nhà thơ nổi tiếng của phong trào Thơ mới trước Cách mạng tháng Tám. Giữa những giọng điệu mới lạ, thơ Nguyễn Bính vẫn giữ được âm hưởng gần gũi với ca dao dân ca, giản dị hồn nhiên mà ngọt ngào, thấm thiết. Tương tư in trong tập Lỡ bước sang ngang, xuất bản năm 1940 tại Hà Nội. Tập thơ này đã mang lại tiếng vang cho tác giả và đẩy lên trong đông đảo người đọc một phong trào thuộc thơ, yêu thơ Nguyễn Bính. Bài thơ Tương tư nói lên tâm trạng khắc khoải chờ mong của một chàng trai đang yêu với tình yêu đơn phương không được đáp đền. Mỗi tương tư ấy được đặt vào khung cảnh nông thôn với dáng dấp một mối tình chân chất như trong ca dao và mang hương vị đồng quê mộc mạc.

Tâm lí của những kẻ đang yêu là luôn muốn được gần gũi bên nhau. Bởi vậy, một ngày không gặp dài bằng ba thu. Những người đang yêu nhớ nhau mà không gặp được nhau thì sinh ra tương tư. Thường là một người thương nhớ một người mà không được đền đáp lại, trường hợp này trong văn chương mới gọi là tương tư. Lịch sử tình yêu xưa nay đã ghi nhận bao trái tim Trương Chi tan nát bởi mối hận tình. Chàng trai trong bài thơ này cũng tương tư nhưng có phần nhẹ nhàng hơn bởi tình yêu chưa đặt được cơ sở rạch ròi.

Bốn câu thơ đầu bày tỏ nỗi nhớ mong khắc khoải của kẻ đang yêu. Chàng trai không giấu là mình tương tư:

Thôn Đoài ngời nhớ thôn Đông,

Một người chín nhớ mười mong một người.

Nắng mưa là bệnh của giời

Tương tư là bệnh của tôi yêu nàng

Mỗi tương tư ấy được thể hiện bằng những hình thức quen thuộc trong ca dao xưa, ở đây, lối hoán dụ nghệ thuật, thủ pháp nhân hóa và thành ngữ dân gian kết hợp với nhau hài hòa, tự nhiên: Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông, rồi bệnh của giờ, bệnh của tôi. Đường như đất trời cũng chia sẻ nhớ mong, dự phần tương tư với con người.

Tôi yêu nàng, tôi tương tư, nào có khác chi trời lúc gió lúc mưa. Tâm trạng tương tư của chàng trai cũng tự nhiên như quy luật của trời đất vậy.

“Cái tôi” trong thơ Nguyễn Bính xuất hiện cùng với những “cái tôi” khác trong Thơ mới lúc bấy giờ; có điều nó mang màu sắc độc đáo bởi nó thiết tha, chân thành, gần gũi với cuộc đời bình dị của người dân quê. Nó có thôn Đông, thôn Đoài, có chín nhớ mười mong, có trầu, có cau. Tưởng như một đôi trai gái đồng quê mới bén duyên nhau bên hàng rào dâm bụt, bên giậu mồng toi, vừa rõ ràng mà vừa mơ hồ. Nhân vật tôi thì đã rõ, còn nhân vật nàng thì vẫn thấp thoáng, vu vơ.

Nếu ở khổ thơ đầu, nhà thơ nói thật là mình đang tương tư thì đến ba khổ thơ sau, nhà thơ trách người mình yêu sao quá hững hờ:

Hai thôn chung lại một làng,

Cớ sao bên ấy chẳng sang bên này?

Ngày qua ngày lại qua ngày,

Lá xanh nhuộm đã thành cây lá vàng.

Bảo rằng cách trở đò giang,

Không sang là chẳng đường sang đã đành.

Nhưng đây cách một đầu đình,

Có xa xôi mấy mà tình xa xôi?

Tương tư thức mấy đêm rồi,

Biết cho ai, hỏi ai người biết cho?

Bao giờ bến mới gặp đò?

Hoa khuê các, bướm giang hồ gặp nhau?

Vậy là chàng trai đang nhớ thật, đang tương tư thật, nhưng khổ tâm ở chỗ nhớ thương có đi mà không có lại. m điều thơ lục bát uyển chuyển, mượt mà rất hợp với cách thể hiện dung dị: nào là hai bên chung lại một làng, bên ấy, bên này; nào là Cách nhau có một đầu đình; Có xa xôi

mấy mà tình xa xôi. Trách móc rồi tự bực bực là mình Trương tư thức mấy đêm rồi và ước mong: Bao giờ bên mới gặp đò, Hoa khuê các, bướm giang hồ gặp nhau? Trách, hỏi liên tiếp, dồn dập mà người ta vẫn hững hờ, xa xôi. Ở đời có những tình yêu như thế bởi đối tượng mình yêu đến trương tư kia lại mơ hồ, vô định. Trách và hỏi đều rơi vào khoảng trống khiến cho nỗi trương tư càng trở nên xót xa, vô vọng.

Vẫn là bên ấy, bên này cách biệt. Ngày qua ngày lại qua ngày, Lá xanh nay đã thành cây lá vàng. Thời gian cứ lạnh lùng trôi mà bên ấy vẫn bần bật bóng chim tăm cá. Hỏi làm sao bên này chẳng chờ đợi đến hao mòn, tàn úa? Mơ làm chi đến chuyện bao nhiêu ngói bấy nhiêu tình hay chuyện tam tứ núi, ngũ lục sông?

Thế là đã rõ: Tất cả đều vu vơ, chỉ có một điều rất thật là nỗi buồn da diết của chàng trai đang trương tư. Yêu người mà chẳng được người yêu, nhớ mong mà chẳng gặp. Một mối tình như thế sẽ kết thúc ra sao? Chàng trai trở lại với ước mơ thầm kín về một cuộc hôn nhân tốt đẹp cùng nỗi băn khoăn, khắc khoải của lòng mình:

Nhà em có một giàn giầu,

Nhà anh có một hàng cau liên phòng.

Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông,

Cau thôn Đoài nhớ giầu không thôn nào?

Đến lúc này thì không cần vòng vo, ẩn giấu chi nữa, chàng trai không còn xưng tôi mà mạnh dạn xưng là anh và gọi nàng bằng em. Cũng chẳng cần bóng gió xa xôi: Bao giờ bên mới gặp đò hay Trương tư thức mấy đêm rồi mà nói thẳng đến chuyện hôn nhân:

Nhà em có một giàn giầu,

Nhà anh có một hàng cau liên phòng.

Thử hình dung cau ấy, trầu này mà kết thành một mâm xinh đẹp thì thật tà đúng nghi lễ cưới xin. Nhưng trớ trêu làm sao: trầu thì ở nhà em, cau lại ở nhà anh. Em ở thôn Đông, anh ở thôn Đoài: Thôn Đoài thì nhớ thôn Đông. Vậy: Cau thôn Đoài nhớ giầu không thôn nào? Như vậy là trương tư chưa đi quá nỗi nhớ và nỗi nhớ vẫn chỉ là một bên, một chiều. Tuy có nhích lên một chút cho thân mật hơn trong cách xưng hô anh và em, nhưng rồi lại quay về nơi ẩn náu cũ: Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông, nghĩa là chẳng tiến lên được một bước nào. Mon men tới chuyện trầu cau nhưng vẫn không thoát khỏi nỗi buồn bởi nhớ nhung người ta mà chẳng được người ta đền đáp lại. Cho nên đành chấm dứt nỗi sầu bằng một câu hỏi tu từ: Cau thôn Đoài nhớ giầu không thôn nào? “Cái tôi” hiện đại bộc lộ một cách tự nhiên dưới hình thức quen thuộc của ca dao xưa: thôn Đoài, thôn Đông... và nhờ đó mà nỗi đau dường như vợi bớt. Cho nên nỗi trương tư cũng mới chỉ đến mức chín nhớ mười mong hoặc thức mấy đêm rồi, kể cả sự vô vọng dường như kéo dài dằng dặc trong không gian và thời gian kia cũng chỉ là chuyện bên chưa gặp đò, hoa chưa gặp bướm mà thôi.

Bài thơ là một mảnh hồn của nhà thơ, là “cái tôi” mang đậm phong cách Nguyễn Bính: giản dị, hồn nhiên, dân dã mà không kém phần thơ mộng, lãng mạn. Nhà thơ nói chuyện trương tư, kì

thực là nói tới khao khát tình yêu và hạnh phúc. Qua đó khẳng định “cái tôi cá nhân” với quyền được sống đúng nghĩa của nó. Tương tư là một trong nhiều dẫn chứng chứng minh cho nhận xét tinh tế của Tô Hoài: Nguyễn Bính là nhà thơ của tình quê, chân quê, hồn quê.

Bài văn mẫu số 3: Phân tích bài Tương tư

Tác giả Nguyễn Bính là một trong những nhà thơ đi tiên phong và tiêu biểu cho phong trào thơ mới. Tuy nhiên khác với các nhà thơ cùng thời chịu ảnh hưởng của thơ ca lãng mạn Pháp thì thơ của Nguyễn Bính lại thường đậm đà truyền thống dân tộc, văn hóa dân gian, gắn bó với sự bình dị, mộc mạc của đồng quê. Bài thơ “Tương tư” của ông nằm trong tập thơ “Lỡ bước sang ngang” là một bài thơ tiêu biểu nhất cho phong cách thơ của ông.

Nhan đề bài thơ là “Tương tư” ám chỉ một trạng thái của con người, tương tư có nghĩa là nhớ nhung, nhưng lại không đơn thuần là nhớ nhung mà còn chứa đựng nhiều cung bậc cảm xúc khác nhau nữa. Sự tương tư thường bắt đầu với những con người đang yêu, và trong bài thơ này, nhân vật trữ tình tương tư là một chàng trai quê chân thật, chất phác. Diễn biến trong tâm trạng của chàng trai chính là mạch cảm xúc của bài thơ, trong bốn câu thơ đầu ta cảm nhận được nỗi nhớ mong khắc khoải của kẻ đang yêu:

“Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông...

Tương tư là bệnh của tôi yêu nàng”

Nỗi nhớ ấy được tác giả thể hiện bằng những hình thức quen thuộc của ca dao xưa, có thể thấy hình ảnh hoán dụ “thôn Đoài” và “thôn Đông” chính là con người, và chính là chàng trai của thôn Đoài đang nhớ tới người mình yêu ở thôn Đông. Rồi lại đong đếm cụ thể nỗi nhớ mong ấy bằng thành ngữ dân gian “chín nhớ mười mong”. Có thể thấy nỗi nhớ ấy đã quá đong đầy, chan chứa. Hình ảnh ví von đầy hài hước “nắng mưa” là bệnh của trời đó là lấy cái quy luật của tự nhiên, của trời đất để thể hiện cho sự tương tư trong tình yêu cũng là một lẽ tự nhiên như thế. Tưởng như đó là một đôi trai gái đã bén duyên nhau, nhưng thực ra lại vừa rõ ràng vừa mơ hồ, tình cảm của chàng trai thì đã rõ, còn cô gái thì vẫn thấp thoáng, vu vơ. Bởi thế mà trong ba khổ thơ sau, lời hờn trách của chàng trai được bộc lộ ra, trách sao người mình yêu quá hững hờ:

“Hai thôn chung lại một làng...

Hoa khuê các, bướm giang hồ gặp nhau?”

Nỗi nhớ tương tư của chàng trai đang dần rơi vào nỗi khổ tâm, bởi có thương đi mà chẳng có thương lại. Sự trách móc nhẹ nhàng sao gần nhau chỉ cách nhau có “một đầu đình” mà bên ấy lại chẳng sang bên này, để cho bên này chờ mong mòn mỏi. Trách móc rồi lại tự bộc bạch rằng vì tương tư về người mình yêu mà đã thức trắng bao đêm, chỉ mong ước được gặp người mình yêu, thế nhưng càng nhớ, càng trách, càng hỏi thì người ta vẫn cứ hững hờ, xa xôi. Tình yêu như thế ở đời không phải ít, một bên thì yêu đến si tình, tương tư đến khổ tâm còn một bên lại mơ hồ, vô định.

Vậy nên có trách móc hay tương tư cũng đều rơi vào khoảng không, không ai cảm thấu, càng khiến cho nỗi tương tư thêm xót xa, chua chát. Sự cách biệt giữa bên ấy bên này ngày càng xa

xôi, thời gian đã dài đằng đẵng “ngày lại qua ngày” đến nỗi lá xanh nhuộm chuyển thành lá vàng, thế nhưng thời gian trôi lạnh lùng như chính sự lạnh lùng của bên ấy. Hỏi cứ như vậy làm sao bên này lại chẳng chờ đợi đến héo mòn, khô úa.

Như vậy cho đến những khổ thơ này ta đã rõ: tất cả đều là từ một phía, chỉ là nỗi tương tư chân thành của chàng trai không được đáp lại. Yêu người nhưng chẳng được người yêu lại, nhớ mong nhưng chẳng được gặp gỡ, bởi người ta cũng chẳng muốn gặp mình, chàng trai lại đành quay lại với chính mình, trở lại với niềm mơ ước thầm kín của mình về một mối nhân duyên tốt đẹp:

“Nhà em có một giàn giầu...

Câu thôn Đoài nhớ giầu không thôn nào?

Chàng trai đã mạnh dạn xưng “anh” và gọi người mình yêu là “em”, chẳng cần bóng gió, vòng vo xa xôi nữa mà đi thẳng tới vấn đề muốn được kết tóc se duyên, muốn được ở bên cạnh người mình yêu thương. Thế nhưng thật trớ trêu thay chàng trai vẫn không thoát khỏi được nỗi nhớ mong chẳng được đền đáp, vẫn là câu hỏi không ai hồi đáp.

Qua bài thơ “Tương tư” chúng ta thấy được một mảnh hồn thơ của Nguyễn Bính trong đó, đó chính là cái giản dị, hồn nhiên mà dân dã, không kém phần thơ mộng, lãng mạn. Chỉ là nói chuyện tương tư nhưng sâu thẳm là nhà thơ đang nhắc tới khát khao tình yêu và hạnh phúc.

Bài văn mẫu số 4: Phân tích bài Tương tư

Tương tư là nỗi nhớ nhau của tình yêu đôi lứa. Nhưng trong cuộc đời, tương tư lại thường là nỗi nhớ đơn phương. Người này nhớ, mà đôi khi cứ ngỡ người kia vô tình lắm, chẳng hề biết, chẳng muốn biết rằng mình đang khổ sở vì tương tư. Thực tình, nhớ là hiện thân của yêu : một tâm hồn đang nhớ là một trái tim đang yêu ; một tâm hồn ngừng nhớ là dấu hiệu chắc chắn của một trái tim đã ngừng yêu. Cho nên có kẻ nào yêu mà chẳng từng tương tư. Nguyễn Bính cũng thế ! Chàng trai chân quê này tương tư và đã trải đến tận cùng những cung bậc tương tư, nói khác đi, là đã bị mọi cung bậc của tương tư giày vò đến khổ sở.

Yêu nhau, mà xa nhau, tất sẽ nảy sinh nhưng nhớ. Nhớ nhưng, thực chất, là khát khao được có nhau, gần nhau. Xa cách về không gian và thời gian chính là duyên cớ để tương tư. Vì thế mà trong bản chất tình cảm, tương tư là một khao khát, một nỗ lực vượt không gian và chiến thắng thời gian bằng tinh thần. Không gian, thời gian vô cớ trở thành kẻ thù của những tình nhân bị xa cách. Và đây là những kẻ thù nghìn lần đáng ghét. Bởi trong nỗi tương tư, khoảng cách dù là ngắn cũng trở thành diệu vợi, nghìn trùng ; một khoảnh khắc cũng thành đằng đẵng, thăm thẳm. Đôi khi chỉ tắc gang cũng thành vực thẳm. Thậm chí, với một tình nhân giàu dự cảm thì dầu chưa xảy ra xa cách, đã khắc khoải tương tư rồi :

- Vừa thoáng tiếng còi tàu

Lòng đã Nam đã Bắc

- Nên cả lúc gần anh

Mà lòng em vẫn nhớ.

(Xuân Quỳnh)

Trong bài thơ của mình, Nguyễn Bính đã nói lên nỗi tương tư nghìn đời của những lứa đôi. Ngay những lời mở đầu đã vẽ ra một nỗi tương tư chan chứa cả cảnh sắc thôn làng :

Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông,

Một người chín nhớ mười mong một người.

Chỉ vì có một chàng trai thôn Đoài đang gửi lòng say cô gái thôn Đông mà cuối cùng đã thành thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông. Cách nói bóng gió tạo hiệu quả không ngờ là hai miền không gian đang nhớ nhau. Điều này đâu phải vô cơ. Khi người ta tương tư, cảnh vật xung quanh cũng bị cuốn vào nỗi tương tư, không gian bao quanh cũng ngập tràn nhung nhớ. Người ta có nhìn bằng con mắt khách quan nữa đâu ! Cảnh vật nhuốm màu tương tư cả rồi. Câu thứ hai đặc Nguyễn Bính ! Ấy là giọng kể lể. Một câu thơ được viết toàn bằng số từ ! Không gian tương tư thật rõ. Câu bát có xu hướng kéo dài, nó càng dài hơn bởi giọng kể lể và chất đầy những số từ thậm xưng theo lối thành ngữ. Mỗi người đứng ở một đầu câu thơ, thăm thẳm, vời vợi. Giữa họ là một khoảng không diệu vợi. Nỗi tương tư giăng mắc một nhịp cầu "chín nhớ, mười mong", khởi lên từ đầu này và chấp chới, và mơ màng tới đầu kia. Kế đó là một sự lí giải :

Gió mưa là bệnh của giời,

Tương tư là bệnh của tôi yêu nàng.

So sánh mình với giời, nông là thế mà thấy cũng chấp nhận được. Bởi cả hai có cùng một căn bệnh. Tôi và Giời hoá ra là hai kẻ đồng bệnh. Thế mà chưa hết đâu, cái tôi này còn toan tính hạ thấp trong so sánh đó nữa. "Gió mưa là bệnh của giời", thì bệnh đó là một thứ tật, một thói hư, giời giở chứng ra - một thứ bệnh nội sinh có sẵn ! Còn "Tương tư là bệnh của tôi yêu nàng" thì là căn bệnh mắc phải do "ngoại nhập". Từ ngày yêu nàng, tôi mới mắc bệnh này. Coi tương tư là một thứ "bệnh", mới kể lể được những khổ sở của cái tôi mang bệnh. Mà bệnh này đã mắc thì... phi em vô phương cứu chữa. Trong câu thơ, thấy có cái giọng chấp nhận một thực tế, một quy luật tất yếu không cưỡng lại nổi. Cái tôi hiện ra vừa như một tình nhân đắm đuối vừa như một nạn nhân tự nguyện rước bệnh, rước khổ sở vào thân. Có phải khi yêu, lời chân thành nào cũng hoá khôn ngoan thế chẳng ? Có phải thế là sự khôn ngoan dễ thương ?

Hình như tương tư thường bắt đầu bằng kể lể, giải bày, và rồi chẳng mấy ai chịu dừng lại ở đó. Sẽ còn là trách móc, hờn giận, sẽ còn là giận dỗi đơn phương, khát khao đòi hỏi, cũng đơn phương. Nghĩa là bệnh tương tư sẽ mỗi ngày một thêm trầm trọng. Mà "ki" nhất là, cũng một không gian ấy thôi, nhưng khi đã kể lể nỗi khổ của mình - cho mình, thì nó bỗng dài ra vô tận, trái lại, đến khi trách móc, "kể tội đối phương" thì nó lại thu hẹp đến kiệt cùng :

Hai thôn chung lại một làng,

Cớ sao bên ấy chẳng sang bên này?

Mở ra, "Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông", tưởng chừng nghìn trùng cách trở. Đến đây, té ra sự cách trở đã hoàn toàn triệt tiêu : tuy hai thôn nhưng thực ra chỉ có một làng. Quái lạ thay là tâm lí tương tư ! Khoảng cách có vậy mà khéo co giãn, biến hoá làm sao !

Nhưng xem chừng, hay nhất vẫn là sự kể lể về thời gian:

Ngày qua ngày lại qua ngày,

Lá xanh nhuộm đã thành cây lá vàng

Ngày trước, tả mối tương tư Kim – Kiều, Nguyễn Du cũng thấy cái nghịch lí trữ tình của thời gian:

Sầu đông càng lác càng đầy,

Ba thu dọn lại một ngày dài ghê.

Một ngày thôi mà ngỡ đã ba thu. Thế cũng đã quá u trầm trọng ! Dẫu sao, đó vẫn là nỗi tương tư được nói bằng giọng người trần thuật, ngoài cuộc. Còn lời thơ Nguyễn Bính vẫn nguyên sự sốt ruột, khắc khoải của người trong cuộc, y như lời lẽ của người đang ngồi bóc lịch đếm từng ngày rề rà chậm chạp trôi qua một cách vô tình, thậm chí như cố tình trên người vậy ! "Ngày qua ngày lại qua ngày", câu thơ dịp nhịp 3/3, chia thành hai vế, vế này là sự lặp lại của vế kia theo lối trùng điệp. Chữ "lại" chứa đựng một ngán ngẫm. Vừa hi vọng, vừa như thất vọng. Mỗi ngày mới đến nuôi lên một hi vọng, để đến cuối ngày, hi vọng tàn đi thành vô vọng. Tất cả gọi được nhịp vận hành lặp đi lặp lại rời rã của những ngày đợi chờ, mong mỏi mà vô vọng vẫn hoàn vô vọng.

Câu thứ hai vẽ ra một người nóng lòng chờ đợi cùng cái cây (nhân vật trữ tình trong thơ Nguyễn Bính thường bọc bọc tâm trạng cùng với một cái cây nào đó. Đây thì chẳng rõ là cây gì. Chỉ biết nó cũng nặng trĩu tương tư ! Hay đó là cây tương tư ?!). Kẻ tương tư và cái cây ấy có một mối tương giao kì lạ. Thời gian với kẻ tương tư chẳng vô hình. Nó có màu : ấy là màu vàng héo. Mỗi ngày qua để lại một dấu vết trên vòm lá. Cái cây khác nào một cuốn lịch thiên nhiên. Hơn thế, cái cây là nhân chứng của mối tương tư, là tri kỉ tâm lạng của kẻ tương tư, là nạn nhân của bệnh tương tư hay là kẻ đồng nạn ? - nạn nhân bởi sự hững hờ của ai kia. Anh đợi em khi cây hãy còn xanh, đến nay cây đã vàng hết cả rồi, vậy mà... Đợi chờ làm cây héo úa, làm người héo hơn !

Cái cây kia là hình ảnh khác của anh ! Cái cây kia chính là anh. Tả cảnh ngụ tình là thế ! Phải nói chữ "nhuộm" thật đắt. Cũng viết về sự thay đổi sắc màu trên cây cỏ, khi Thuý Kiều tiễn biệt Thúc Sinh, Nguyễn Du viết:

Người lên ngựa kẻ chia bào,

Rừng phong thu đã nhuốm màu quan san.

Chữ "nhuộm" rất động. Nói được sự biến đổi đang diễn ra, chưa hoàn tất. Nó cũng trực tiếp ! Đường như sắc màu này vốn từ cuộc chia li ở câu trên đã bước sang câu dưới, đã phủ vào cảnh vật nên mới "nhuộm". Nó là sự lây lan từ tinh thần con người xâm nhập vào cây cỏ. Còn chữ "nhuộm" của Nguyễn Bính gọi được thời gian. Bởi xem chừng nó tĩnh hơn. Quá trình diễn biến

đã hoàn tất : lá xanh đã biến thành lá vàng rồi ! sắc thái kẻ lẻ đậm hơn. Thời gian đợi chờ của anh đặng đặng, dặng dặng đến nỗi đủ đổ nhuộm một cây xanh thành hẳn cây lá vàng cả rồi ! Lời thơ vì thế mà khổ sở, khắc khoải bội phần.

Có phải tương tư là một gánh nặng đơn phương, càng nặng nề bao nhiêu, càng nghĩ "đổi phương" vô tình bấy nhiêu. Vì thế mà cung bậc tương tư cứ chuyển biến rất tự nhiên từ kẻ lẻ, thờ than sang trách móc ? Mà lời trách móc thì, ôi chao, đầy một lối "quy kết" khó mà "chạy tội" được :

Bảo rằng cách trở đò giang,

Không sang là chẳng đường sang đã đành.

Nhưng đây cách một đầu đình,

Có xa xôi mấy mà tình xa xôi.

Vẫn cái "luận điệu" dễ ghét ấy. Kẻ lẻ nông nổi mình thì cũng một sự xa cách kia mà hoá muôn trùng, thăm thẳm. Còn ở đây thì "phủ định sạch trơn" : không hề có xa cách - không có cách trở đò giang, không phải không có đường, mà thậm chí còn gần lắm, chỉ có một đầu đình thôi. Tất cả chỉ do em hồ hững chứ chả có lí do khách quan gì ! Người đâu có người mỗi lời lại một vận vào người ta thế có "khiếp" không ! Nhưng không có luận điệu ấy thì làm sao có thể "quy chụp" người ta vô tình được ! Sao những trái tim yêu lại có thể "ranh mãnh" một cách hồn nhiên đến thế ! Vậy đây, trong nỗi tương tư, trái tim thường cất lên những lời buộc tội thật dễ thương. Và khi "người ta" đã nhân danh nỗi khổ vì tương tư, thì nghe những lời buộc tội "khó chịu" đến đâu cũng đành mà "chịu khó" thôi, nghĩa là cũng thật dễ chịu thôi, chẳng phải thế sao ?

Trách chưa hết đã lại hờn:

Tương tư thức mấy đêm rồi,

Biết cho ai, hỏi ai người biết cho!

Hờn mát đến điều rồi thì lại khát khao đến độ :

Bao giờ bến mới gặp đò?

Hoa khuê các, bướm giang hồ gặp nhau?

Và cuối cùng thì khẳng định đinh ninh:

Nhà em có một giàn giầu,

Nhà anh có một hàng cau liên phòng.

Thôn Đoài thì nhớ thôn Đông,

Câu thôn Đoài nhớ giàu không thôn nào?

Tất cả đã sẵn sàng và đang nóng lòng chờ đợi. Chỉ còn em nữa thôi ! Thôn Đoài đã hẳn là nhớ thôn Đông, điều ấy không còn nghi ngờ bàn cãi nữa rồi. Vậy thì, câu thôn Đoài còn biết nhớ giàu không thôn nào nữa đây. Câu thơ chứa trong nó một lô gích thật nguy hiểm!

Vậy là, trong thăm sâu tâm lí, tương tư chính là khao khát hạnh phúc lứa đôi, khao khát thành đôi thành lứa. Khao khát ấy tràn ra trong giọng điệu khi kể lể phân trần, khi giận hờn trách móc. Khao khát ấy còn ký thác vào những cặp đôi giàu mình suốt dọc bài thơ. Ban đầu những đôi ấy còn xa xôi, càng về sau càng xích lại gần. Lần đầu, 1990, khi viết cho sách Đề dạy tốt Văn 11 dành cho giáo viên, tôi mới chỉ nhận ra một nửa số cặp ấy. Giờ thống kê kĩ hơn, mới thấy nhiều cặp đôi hơn ả nấu khắp bài thơ :

Thôn Đoài - Thôn Đông

Một người - Một người

Bên ấy - Bên này

Bến - Đò

Hoa Khuê Các - Bướm giang hồ

Nhà anh - Nhà em

Và cuối cùng là :

Trầu - Cau

Kết như thế thật khéo

Vòng vo, xa gần, cuối cùng vẫn cứ tụ lại ở điều cần nhất, khắc khoải nhất : ấy là trầu - cau! Mà trầu cau là chuyện nhân duyên. Điểm truyền thống rất nổi bật ở Nguyễn Bính là quan niệm duyên ái. Là một nhà thơ mới, nhưng Nguyễn Bính không có cái chủ trương yêu hiện đại với cái tình gần gũi, cái tình xa xôi, cái tình trong giây lát, cái tình ngoài thiên thu như điệu sống thời thượng bây giờ. Các nhà thơ hiện đại chỉ quan tâm đến tình, ít quan tâm đến duyên. Nguyễn Bính quả là chân quê khi coi trọng nhân duyên. Yêu đương với chàng thi sĩ này dứt khoát phải gắn liền với chuyện trăm năm, với hôn nhân. Nghĩa là với cau - trầu. Thực ra, những cặp hình ảnh kia vẫn chưa thành đôi hẳn, mà mới chỉ ở dạng tiềm năng, vẫn còn để ngỏ và chờ đợi. Vâng, đợi chờ một vị "cứu tinh" duy nhất là Em. Em đến, trầu cau sẽ thấm lại và tất cả các cặp còn hờ kia sẽ kết thành đôi. Bệnh tương tư sẽ được cứu chữa ! Nỗi khổ sở sẽ hết giày vò ! Vân vân và vân vân.

Nhưng em biết không, khi tất cả những điều kia đã thành, thì cũng là lúc nỗi tương tư bắt đầu... bị hoá giải.

Bài văn mẫu số 5: Phân tích bài Tương tư

Nhà phê bình văn học Hoài Thanh đã từng nhận xét Nguyễn Bính rằng: "Người nhà quê của Nguyễn Bính vẫn ngang nhiên sống như thường". Đúng vậy, con người ấy sống trong từ câu thơ, từng nỗi nhớ da diết. Nỗi nhớ ấy thể hiện rõ nhất trong bài thơ Tương Tư trích từ tập Lỡ Bước Sang Ngang- một tập thơ tiêu biểu của ông trước cách mạng.

Ai trong chúng ta đã một lần " tương tư" sàu nhớ chắc hẳn sẽ thấu hiểu cảm xúc ấy. Tương tư là thương, là nhớ, là bồi hồi khi nghĩ về hình bóng yêu thương. Nó là phức hợp cảm xúc, dậy lên như từng đợt sóng trong lòng:

Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông

Một người chín nhớ mười thương một người

Nắng mưa là bệnh của giời

Tương tư là bệnh của tôi yêu nàng.

Mở đầu khổ thơ là nỗi nhớ nhưng là nỗi nhớ gián tiếp qua không gian. Đó là "thôn Đoài" nhớ "thôn Đông", nỗi tương tư giăng mắc khắp không gian bởi lối hoán dụ quen thuộc trong ca dao xưa. Kín đáo mà không kém phần tâm tình tha thiết và sâu sắc hơn nữa tác giả lấy chuyện nắng mưa, mượn "căn bệnh" vốn dĩ của trời để trải lòng mình. Tác giả coi "tương tư" là một căn bệnh đã tiềm ẩn trong chính con người mình, cũng rất đời bình thường như bao chuyện khác, giống như quy luật của thiên nhiên tạo hóa vậy. Bốn câu thơ ấy mở ra nỗi nhớ khiến người đọc thích thú tò mò về mối tương tư của anh chàng thôn Đoài và cô nàng thôn Đông ngày ấy

Đến những câu thơ tiếp theo, ta như nghe thấy lời trách móc nhẹ nhàng và rất kín đáo thôi. Trách cô gái hững hờ, trách cô gái kia sao lại vờ như không biết gì về nỗi lòng ta:

Hai thôn chung lại một làng

.....

Hoa khuê các bướm giang hồ gặp nhau?

Nhịp thơ nhanh, câu hỏi dồn dập của nhân vật trữ tình hỏi người thương của mình. Vì sao nàng chẳng sang? Hai thôn ấy chung một làng mà sao nghe cách xa đến vậy, nếu mà nhớ người ta thì phải tìm đường mà sang thăm người ta chứ đằng này lại còn trách người ta không sang với mình. Cũng không biết được rằng có phải cô gái không sang không hay là tại vì nỗi tương tư kia khiến cho người tương tư thấy thời gian quá dài, và không gian thật gần mà trở nên xa xôi quá. Một khi con người ta tương tư, cũng hay nghĩ rằng nửa kia không quan tâm, vô tâm vô tình lắm. Rồi cứ thế " ngày qua ngày lại qua ngày" điệp từ ngày lặp lại hai lần trong một câu thơ kết hợp với hai từ "qua, lại" khiến ta cảm thấy thời gian chờ đợi đang dần trôi đi thật chậm và thật đều, dài tựa ba thu. Thời gian làm cảnh vật trở nên thiếu sức sống, lá xanh cũng đã bị thời gian nhuộm vàng mà người thương vẫn không sang thăm. Câu hỏi cất lên vừa thương nhớ vừa có một chút trách móc nửa kia của mình nhưng nó vang lên mãi không tìm thấy lời đáp. Hình ảnh bến đò

trong những câu thơ tình lại hiện lên trong tương tư của Nguyễn Bính, đó là ước muốn được ở bên nhau, gắn bó khăng khít.

Càng về cuối, những câu thơ vang lên như một ước nguyện với một tình yêu viên mãn vững bền và hạnh phúc:

Nhà em có một giàn giầu

Nhà anh có một hàng cau liên phòng

Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông

Cau thôn Đoài nhớ giầu không thôn nào?

Hình ảnh trâu cau thể hiện ước nguyện được ở bên nhau của nhà thơ với người mình thầm thương trộm nhớ. Trâu cau từ xưa là thứ không thể thiếu trong tập tục cưới hỏi và nó là hình tượng thể hiện mối tình trăm năm hạnh phúc. Giàn giầu như đang chờ đợi hàng cau đến để tằm thành miếng trâu kết duyên vợ chồng trăm năm. Từ nỗi tương tư da diết của nhà thơ đã biến thành mong muốn được nên duyên một đời. Miếng trâu là đầu câu chuyện, miếng trâu như gọi ta nhớ đến sự tích trâu cau hay truyện cổ tích Tấm Cám xưa. Nét mộc mạc giản dị trong từng miếng trâu ấy, đậm đà tình quê. Câu thơ “Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông” một lần nữa vang lên tạo hiệu ứng đầu cuối tương ứng, tiếng yêu như da diết khôn nguôi cho đến cuối bài. Như vậy mở đầu bằng nỗi nhớ thì cuối cùng nhà thơ cũng kết thúc bằng một nỗi nhớ. Trách móc hờn giận mà tràn đầy tình ý, nhẹ nhàng và sâu lắng.

Tương Tư của Nguyễn Bính là một trong những bài thơ góp phần tạo nên tên tuổi của ông và nó làm giàu cho phong trào thơ mới nói riêng và nền thơ ca Việt Nam nói chung. Đọc bài thơ ta biết, nỗi nhớ ấy sẽ còn vọng mãi qua bao thời đại thi ca.

Bài văn mẫu số 6: Phân tích bài Tương tư

Với phong cách thơ bình dị, nhẹ nhàng, chân chất; Nguyễn Bính được xem là nhà thơ của đồng nội. Thơ Nguyễn Bính đi sâu vào tâm hồn người đọc bằng chất "quê" đặc biệt, chất "quê" của nông thôn Việt Nam. Tình yêu trong thơ ông rất đỗi ngọt ngào, sâu lắng và dịu dặt như chính con người ông. Bài thơ "Tương tư" rút trong tập "Lỡ bước sang ngang" giải bày tâm sự thầm kín của một người đang yêu, đang thương nhớ, đang khắc khoải và mong chờ đau đáu.

Không phải ngẫu nhiên mà Nguyễn Bính đặt tên bài thơ là "Tương tư", đây là cảm giác nhớ thương của một kẻ đang yêu, nói đúng hơn là của kẻ yêu đơn phương, đang mong chờ được đáp lại. Mối tình ấy được ấp ủ, được dồn nén thành lời qua những vần thơ mộc mạc, chân thành nhất:

Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông

Một người chín nhớ mười mong một người

Nắng mưa là bệnh của giời

Tương tư là bệnh của tôi yêu nàng

Một không gian thôn quê hiện lên thật bình dị, đơn sơ, và yên bình đến lạ. Thủ pháp nhân hóa được sử dụng rất tài tình, tinh tế. Tác giả mượn "thôn Đoài" và "thôn Đông" để nói lên nỗi nhớ từ tận sâu đáy lòng của mình. Chắc hẳn rằng người mà tác giả đang tương tư ở thôn Đông, còn tác giả lại ở thôn Đoài. Mỗi tình ấy ẩn mình trong sự thanh mát và bình dị của đồng quê.

Tinh tế và sâu sắc hơn nữa tác giả đã mượn chuyện nắng của của gười để trải lòng mình. Tác giả coi "tương tư" là một căn bệnh đã tiềm ẩn trong chính con người mình, cũng rất đổi bình thường như bao chuyện khác, giống như quy luật của đất trời.

Chỉ với 4 câu thơ ấy, đã khiến người đọc thích thú muốn tìm hiểu về mối tương tư của anh chàng thôn Đoài và cô nàng thôn Đông này. Tuy nhiên đến những câu thơ tiếp theo, dường như lại là lời trách móc nhẹ nhàng và rất chừng mực. Trách cô gái hững hờ, trách người ta sao lại vờ như không biết gì như thế:

Hai thôn chung lại một làng,

Cớ sao bên ấy chẳng sang bên này?

Ngày qua ngày lại qua ngày,

Lá xanh nhuộm đã thành cây lá vàng.

Bảo rằng cách trở đò giang,

Không sang là chẳng đường sang đã đành.

Những đây cách một đầu đình,

Cớ xa xôi mấy mà tình xa xôi?

Tương tư thức mấy đêm rồi,

Biết cho ai, hỏi ai người biết cho?

Bao giờ bến mới gặp đò?

Hoa khuê các, bướm giang hồ gặp nhau?

Những câu hỏi dồn dập, nối tiếp nhau tạo nên sự bối rối, lo lắng và chông chát nỗi niềm trong lòng chàng trai đang yêu. Tác giả đã mượn lối nói dân gian của ca dao, dân ca để hỏi dò cô gái sao lại hững hờ như vậy. Giọng điệu của câu thơ nhẹ nhàng, uyển chuyển, tha thiết như truyền tải thông điệp đến cho cô gái.

Từ "cớ sao" như một lời trách nhưng lại rất tế nhị, đáng yêu. Mối tương tư của chàng trai tràn trọc suốt bao nhiêu đêm, nhưng chẳng biết ngõ cùng ai, rồi cũng chẳng ai thấu cho. Bởi vậy mà

chàng trai chỉ chờ đợi "bến gặp đò" để mình có thể gặp nàng. Nỗi băn khoăn trong lòng chàng trai cứ chông chát, cứ dai dẳng và đợi chờ. Và rồi chàng trai lại tự hỏi:

Nhà em có một giàn giầu,

Nhà anh có một hàng cau liên phòng.

Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông,

Cau thôn Đoài nhớ giầu không thôn nào?

Nhịp điệu của thơ lục bát uyển chuyển, nhẹ nhàng, tha thiết. Tác giả mượn "giàn trâu" và "hàng cau" để diễn tả nỗi nhớ da diết và quấn quýt như dây trâu quấn lấy thân cau. Nguyễn Bính thật khéo léo và tài hoa khi diễn tả nỗi nhớ bằng những hình ảnh thân quen và mộc mạc ấy. Ở 4 câu thơ này, người đọc nhận ra có sự thay đổi giữa cách xưng hô, tác giả đã mạnh dạn chuyển "tôi-nàng" thành "anh-em" rất táo bạo. Dấu hiệu này chứng tỏ mối tình này đã quá lớn, đã quá sâu và chàng trai muốn giải bày trực tiếp với cô gái.

Cái "tôi" trữ tình của Nguyễn Bính đã được đẩy cao lên, dám bày tỏ, dám yêu. Nhưng tình cảm đó không táo bạo mà ngược lại rất chân thành, mãnh liệt, đồng thời lại rất tế nhị.

Bằng những vần thơ gần gũi, chân thành, đậm hương vị đồng quê, tác giả đã gieo vào lòng người đọc những tình cảm nhẹ nhàng, tha thiết nhất của những người đang yêu. Bài thơ như một nốt nhạc trong lành và yên bình nhất.

Bài văn mẫu số 7: Phân tích bài Tương tư

Nhà thơ Nguyễn Bính được mệnh danh là "thi sĩ của đồng quê" bởi thơ của ông mang đậm phong vị dân gian, mang đến cho người đọc những hình ảnh gần gũi, thân thương của quê hương đất nước, của tình người đậm thắm. Bài thơ "Tương tư" rút trong tập thơ "Lỡ bước sang ngang" là một trong những sáng tác tiêu biểu cho phong cách thơ "chân quê" của Nguyễn Bính. Bài thơ đã ca ngợi vẻ đẹp của một tình yêu đôi lứa chân quê, mộc mạc mà chân thành, giản dị.

Mở đầu bài thơ, tác giả đã nhắc đến "căn bệnh tương tư" tất yếu của những đôi lứa yêu nhau, trong trường hợp này đó là nỗi tương tư của chàng trai dành cho cô gái, đó là tình cảm đơn phương đang chờ ngày được hồi đáp:

"Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông

Một người chín nhớ mười mong một người

Gió mưa là bệnh của giờ

Tương tư là bệnh của tôi yêu nàng"

Hai địa danh thôn Đoài, thôn Đông là hình ảnh hoán dụ tượng trưng cho bên chàng trai, bên cô gái, cụ thể chàng trai ở thôn Đoài đang nhớ đến cô gái ở thôn Đông, lối hoán dụ này đã bộc lộ

một chất quê mộc mạc chất phác. Điệp ngữ "một người" kết hợp với thành ngữ "chín nhớ mười mong" đã diễn tả đối tượng và nỗi nhớ mong da diết trong xa cách, nỗi nhớ ấy chính là căn bệnh tương tư, nhà thơ ví căn bệnh đó là điều dĩ nhiên giống như quy luật tự nhiên nắng mưa của trời đất.

Gió mưa là điều tất yếu của trời thì tương tư cũng là điều tất yếu khi yêu, sự liên tưởng và ví von độc đáo ấy đã góp phần đề cao tình yêu chân thành, sâu sắc của đôi trai gái. Căn bệnh tương tư ấy có biểu hiện vừa rõ ràng lại vừa phức tạp, những cung bậc cảm xúc và trạng thái của tương tư là rất đặc trưng. Điều dễ nhận thấy nhất chính là sự hờn dỗi, trách móc và trông ngóng chờ đợi được đáp lại tình cảm, bởi tình cảm của chàng trai là tình cảm đơn phương, đang chờ đợi sự hồi âm của cô gái:

"Hai thôn chung lại một làng

Cớ sao bên ấy chẳng sang bên này?

Ngày qua ngày lại qua ngày,

Lá xanh nhuộm đã thành cây lá vàng"

Cách nói "hai thôn chung một làng", rồi "bên ấy" và "bên này" tạo cảm giác gần hơn về không gian, nên chàng trai trách móc một cách đầy tình tứ gần như vậy mà "sao bên ấy chẳng sang bên này". Thời gian cứ trôi chảy "ngày lại qua ngày" gợi sự mòn mỏi chờ mong và ngán ngảm của chàng trai, nỗi nhớ của chàng trai với cô gái đã nhuộm lá xanh thành vàng, sự chờ đợi đã trải dài theo năm tháng, tình cảm cũng giống như lá cây, sự chờ đợi khiến lòng người héo hon, tàn lụi và úa màu.

Phải mang trong mình bệnh tương tư là sự khó chịu khó nói nên lời, chính vì thế, chàng trai đã buông lời trách cứ cô gái:

"Bảo rằng cách trở đò giang,

Không sang là chẳng đường sang đã đành.

Nhưng đây cách một đầu đình,

Có xa xôi mấy mà tình xa xôi..."

Từng câu thơ như những lời phủ định cho mọi sự cách trở xa xôi, cách nhau có một đầu đình, chẳng xa đến đâu nhưng chẳng chịu sang, có xa xôi ấy là tình xa xôi chứ không phải xa về khoảng cách địa lý. Lời hờn trách này quả thực rất đáng yêu, vì nhớ thương đến ngán ngảm, vì ôm niềm mong nhớ một mình mà cảm giác bị hững hờ, bỏ rơi đành quay ra trách cứ, lời trách cũng chính là lời bày tỏ tình cảm thật chân thành.

Nỗi tương tư đã kéo dài thức mấy đêm, câu hỏi "Bao giờ bên mới gặp đò?" và "Hoa khuê các, bướm giang hồ gặp nhau?" chính ám chỉ sự nôn nao mong được gặp gỡ người mình yêu, bên và đò, hoa khuê các và bướm giang hồ là những cặp hình ảnh tượng trưng cho tình yêu đôi lứa, nhân vật trữ tình đang nuôi niềm mong ước sớm có ngày được gặp người mình yêu.

*"Nhà em có một giàn giầu,
Nhà anh có một hàng cau liên phòng.*

Thôn Đoài thì nhớ thôn Đông,

Cau thôn Đoài nhớ giầu không thôn nào?"

Đoạn thơ cuối thể hiện một ước vọng khát khao về tình yêu đôi lứa cháy bỏng trong nhân vật trữ tình, vẫn là sự kín đáo, tinh tế và giản dị với hình ảnh cây cau, giàn giầu, thôn Đoài, thôn Đông. Những cặp tương ứng nhau như nhà anh - nhà em, cau - giầu, thôn Đoài - thôn Đông ấy là muốn nói đến sự gắn kết nhân duyên nên đôi lứa của chàng trai, khao khát hướng đến một mái ấm gia đình hạnh phúc.

Với thể thơ lục bát quen thuộc mang đậm chất dân gian Việt Nam, kết hợp với ngôn từ giản dị, bình dị, hình ảnh quen thuộc, cùng lối ví von dân dã và giọng điệu trữ tình lãng mạn, bài thơ "Tương tư" của nhà thơ Nguyễn Bính đã thực sự làm rung động lòng người bởi một tình yêu đôi lứa chân chất, mộc mạc.

Bài văn mẫu số 8: Phân tích bài Tương tư

Nếu như trong phong trào thơ mới Xuân Diệu tiếp thu những nét thơ hiện đại phương Tây để làm nên những đặc sắc thơ của chính mình thì Nguyễn Bính lại giữ nguyên những giá trị truyền thống để làm nên những phong cách của mình. Ông lưu giữ những màu sắc dân tộc Việt Nam.

Tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật ấy là bài thơ tương tư, có thể nói bài thơ thể hiện được những trạng thái cảm xúc của những con người đang yêu nhau. Mở đầu bài thơ hình ảnh nhớ mong, có thể nói nỗi tương tư tình cảm nhớ nhung ấy không thể nào khiến cho nhà thơ dồn nén được nữa cho nên nhà thơ bật ngay trong những câu thơ đầu nỗi lòng mình:

"Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông

Một người chín nhớ mười mong một người

Gió mưa là bệnh của giờ

Tương tư là bệnh của tôi yêu nàng"

Hình ảnh thôn Đoài, thôn Đông hiện lên quen thuộc, nhịp điệu như diu dặt đưa thoi như những câu ca dao của thời xưa. Tình yêu của những đôi trai gái phát sinh nảy nở giữa không gian làng quê. Đó chính là không gian của hai thôn là thôn Đoài và thôn Đông. Hai hình ấy như đại diện thay mặt cho anh và em.

Ở đây ta thấy phong cách nghệ thuật của nhà thơ, nhà thơ không bày tỏ tình cảm một cách hiện đại như Xuân Diệu mà ông chọn cách thể hiện kín đáo như ca dao xưa. Không những thế thì hình ảnh của hai thôn này còn xuất hiện rất nhiều trong thơ Nguyễn Bính. Một người ngồi đây

chín nhớ mười thương một người. Câu thơ gợi cho ta nhớ đến câu ca dao “Chín nhớ mười thương” của ca dao.

Ở đây nhà thơ đã sử dụng sáng tạo câu ca dao ấy qua đó ta thấy được những nét truyền thống trong thơ Nguyễn Bính. Đồng thời thể hiện được tâm trạng nhớ thương của người con trai dành cho người con gái. Không dừng lại ở đó mà nhà thơ còn thể hiện được những nỗi nhớ kia qua việc so sánh việc nắng mưa của trời và việc nhớ thương của người đang yêu.

Nắng mưa chính là những hiện tượng tự nhiên hàng hữu thì nỗi nhớ, sự tương tư kia cũng chính là sự hằng hữu trong chính trái tim của người con trai đang yêu. Đã yêu là phải nhớ, phải tương tư, nó là một quy luật như nắng mưa của trời vậy.

Đến những câu thơ tiếp theo thì chúng ta lại thấy những lời trách móc của chàng trai khi thấy được thể hiện lên. Những hình ảnh thân thuộc của giếng nước, gốc đa, mái đình lại xuất hiện trong thơ Nguyễn Bính:

“Hai thôn chung lại một làng

Cớ sao bên ấy chẳng sang bên này?

Ngày qua ngày lại qua ngày

Lá xanh nhuộm đã thành cây lá vàng

Bảo rằng cách trở đò giang

Không sang là chẳng đường sang đã đành

Nhưng đây cách một đầu đình

Cớ xa xôi mấy cho tình xa xôi?

Tương tư thức mấy đêm rồi

Biết cho ai, hỏi ai người biết cho?

Bao giờ bến mới gặp đò

Hoa khuê các bướm giang hồ gặp nhau?”

Hai thôn ấy chung một làng mà sao nghe cách xa đến vậy, nếu mà nhớ người ta thì phải tìm đường mà sang thăm người ta chứ đằng này lại còn trách người ta không sang với mình. Cũng không biết được rằng có phải cô gái không sang không hay là tại vì nỗi tương tư kia khiến cho người tương tư thấy thời gian quá dài làm cho họ tưởng rằng đã bao lâu rồi không thấy người thương sang.

Mà khi người ta đã tương tư rồi thì lúc nào cũng thấy người kia vô tâm, vô tình lắm. Những ngày qua ngày mà nhà thơ cứ tưởng là đã qua mấy mùa rồi. Vì buồn nhớ cho nên nhìn cảnh vật cũng như thay đổi “lá xanh đã nhuộm thành cây lá vàng”. Chỉ có những người tương tư mới có thể hiểu hết được tâm trạng chờ đợi người yêu đến, một phút mà dài tựa ba thu.

Thế rồi nhà thơ khẽ trách người yêu của mình vì nếu có cách sông thì còn không sang được hưởng chi đây cách có mỗi một đầu đình mà sao nghe tình cảm xa xôi quá trời. Trách rồi nhà thơ lại giải bày những nỗi tương tư của mình. Chính bởi tương tư nặng nên nhà thơ mới thức trắng mấy đêm rồi.

Một câu hỏi cất lên vừa là lời trách móc, vừa là lời bày tỏ tình cảm lại vừa là một câu hỏi không có câu trả lời. Thức trắng đêm không biết vì ai, cho ai, nói như thế nhà thơ nhằm thể hiện cái “ai” ở kia chính là người con gái. Trong sự trách móc hờn giận ấy nhà thơ tự hỏi không biết đến khi nào thì hai người mới gặp được nhau. Hình ảnh bến đò trong những câu thơ tình lại hiện lên trong tương tư của Nguyễn Bính. Ở đây không thể hiện sự lia xa mà mong ước đoàn tụ.

Những câu thơ cuối bài cất lên như một ước nguyện với cái kết viên mãn của một lễ vu quy giản dị nhưng lại hạnh phúc:

“Nhà em có một giàn giầu

Nhà anh có một hàng cau liên phòng

Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông

Cau thôn Đoài nhớ giầu không thôn nào?”

Hình ảnh trầu cau thể hiện ước nguyện đến bên nhau của nhà thơ với người con gái mình yêu. Gian giầu kia cũng như đang chờ đợi hàng cau đến để làm nên những miếng trầu kết duyên vợ chồng. Từ nỗi nhớ tương tư kia nhà thơ mong muốn được nên duyên vợ chồng với người con gái nọ.

Miếng trầu là đầu câu chuyện, miếng trầu như gọi ta nhớ đến sự tích trầu cau trong truyện cổ tích. Chính sự tích ấy đã mang lại những miếng trầu thật ngon thơm đậm tình vợ chồng. Nét quê hương hiện lên qua hình ảnh trầu cau ấy, lẽ vật cho ngày cưới thiếu gì thì thiếu chứ không thể nào thiếu được trầu cau.

Câu thơ “Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông” một lần nữa lại được cất lên. Như vậy mở đầu bằng nỗi nhớ thì cuối cùng nhà thơ cũng kết thúc bằng một nỗi nhớ. Và câu thơ cuối lại như trách móc rằng không biết cau thôn Đoài hay chính là người con gái kia có nhớ đến mình không hay là nhớ đến người khác.

Như vậy qua đây ta thấy được những tâm tư tình cảm của nhà thơ khi viết bài thơ này. Có thể nói chính những hình ảnh làng quê quen thuộc với những câu thơ mang đậm chất truyền thống dân tộc và mang hơi thở của ca dao nên bài thơ cứ thể đi vào lòng người với những giai điệu nhịp nhàng nhưng lôi cuốn. Nỗi tương tư được thể hiện rất kín đáo và thân thương. Cả bài thơ kết tụ của nỗi nhớ tương tư người yêu thế rồi cảm thấy người ta như đang vô tâm với mình vậy.

Bài văn mẫu số 9: Phân tích bài Tương tư

Tô Hoài đã hoàn toàn đúng khi cho rằng: “Thơ và cuộc đời ràng buộc nhà thơ. Trước sau và mãi mãi, Nguyễn Bình vẫn là thi sĩ của chân quê, hồn quê”.

Nỗi nhớ mong trong bài thơ đích thực là nỗi nhớ mong của tình yêu, nhưng không phải là nỗi nhớ từ một tình yêu song phương mà là nỗi nhớ của một tình yêu đơn phương. Nỗi nhớ này được diễn tả theo hình thức tăng cấp. Lúc đầu chỉ được gọi lên bằng một từ “ nhớ” (câu thơ đầu) đến câu thơ tiếp theo đã chuyển hoá thành hai trạng thái “nhớ” và “mong”.

Đối tượng của nỗi nhớ thường là những hình ảnh đã qua, thuộc về quá khứ. Đối tượng của niềm mong thường là những hình ảnh thuộc về hiện tại hoặc tương lai, là sự chờ đợi những điều có thể sẽ tới xoa dịu nỗi nhớ mặc dù, trên thực tế, có khi những điều đó không bao giờ tới.

Dù thế nào, hai cung bậc của cảm xúc nhớ và mong cũng sẽ đưa nhân vật trữ tình vào một không gian của đợi chờ khắc khoải, da diết. Ở đây nỗi nhớ mong trên không phải nỗi nhớ mong bình thường mà là nỗi mong nhớ được diễn tả với một cường độ thật lớn: chín nhớ, mười mong!

Cách dùng các số từ trong câu thơ: Một người chín nhớ mười mong...là học theo lối cường điệu dân gian, ngoa ngôn mà thành thực. Chưa kể, nó vừa diễn tả tính chất cao độ của một trạng thái tâm lý, vừa miêu tả tính chất tăng tiến không ngừng của trạng thái tâm lý đó. Một nỗi nhớ như thế sớm muộn sẽ đưa chủ thể của nó vào một trạng huống không bình thường của đời sống nội tâm. Ta chỉ có thể gọi đích danh là “bệnh tương tư” và, nhân vật trữ tình cũng đã tự nhận như thế. Bệnh, dù bất cứ là bệnh gì, đều gây đau đớn.

Bệnh tương tư thì không chỉ gây đau đớn mà còn giày vò, thiêu đốt trái tim “con bệnh” khiến cho anh chàng (trong bài thơ) hết sức khốn khổ vì yêu. Tuy nhiên, con bệnh của tình yêu thì khác các con bệnh thông thường. Đó là người ta vừa cảm thấy khổ sở, thậm chí khổ sở đến mức không chịu đựng nổi vì nỗi nhớ nhưng của tình yêu giày vò lại vừa có cái sở thích oái ăm là vẫn cứ mong được sống mãi trong nỗi nhớ đó mà không hề có ý định “điều trị” bằng cách lãng quên.

Có cách nào để thanh toán nỗi khổ tương tư? Không có cách nào cả. Chỉ có cách xoa dịu bằng những lời thở than và trách móc mà thôi. Những lời than thở, trách móc (dường như để cân bằng với nỗi khổ tương tư) nên cũng trải qua các cung bậc theo hình thức tăng cấp. Lúc đầu mới chỉ là một câu chất vấn: Cớ sao? Tiếp đến là niềm nuối tiếc thời gian trôi đi hờ hững: Ngày qua ngày lại qua ngày... Rồi dồn dập những lời trách cứ : Bảo rằng, đã đành, nhưng đây...Cuối cùng là thở dài trong oán, hờn và giận: Có xa xôi mấy mà tình xa xôi...

Những lời thở than, trách móc trên kia còn là vì một lý do hết sức quan trọng : tình yêu ấy dầu mãnh liệt đến thế nhưng chưa được đền đáp. Nhưng đọc và suy ngẫm kỹ sẽ thấy thực chất của những lời trách móc, than thở trên cũng chỉ là những biến thái của nỗi tương tư mà thôi, nếu ta cùng thừa nhận rằng tương tư trong tình yêu đơn phương là sự vận động của một chuỗi những hy vọng và thất vọng.

Thì đây, đã hy vọng hai thôn chung lại một làng thì...thế mà bên ấy chẳng sang bên này. Đã hy vọng mỗi ngày qua, một ngày mới đến tình trạng đợi chờ sẽ chấm dứt, thế mà từ xuân tới hạ

rồi sang thu mọi mong đợi vẫn lửng lơ tận chân trời. Đã hy vọng không cách trở đò giang, chỉ cách một đầu đình thôi thì mọi chuyện sẽ dễ dàng thế mà...không gian không xa nhưng tình thì xa vời vợi.

Người đồng bệnh với Nguyễn Bính, Xuân Diệu, tác giả của một bài thơ khá nổi tiếng có nhan đề Tương tư chiều rõ ràng có cách bộc lộ nỗi nhớ rất khác, mới mẻ và hiện đại:

Bữa nay lạnh mặt trời đi ngủ sớm

Anh nhớ em, em hồi, anh nhớ em...

Khi nỗi nhớ dâng lên cao độ trong lòng thì cách diễn tả cảm xúc càng ôn ào:

Anh nhớ tiếng, anh nhớ hình, anh nhớ ảnh...

Anh nhớ em, nhớ lắm, em ơi!

Nguyễn Bính khác, cách bày tỏ tình yêu của ông mang tính cách của người chân quê. Trước hết ở thái độ kín đáo, rụt rè, mượn cách nói vòng tề nhị : thôn Đoài ngời nhớ thôn Đông/ Một người chín nhớ mười mong một người...

Kể cả khi tình cảm dâng lên mãnh liệt vẫn giữ một thái độ khiêm nhường, chỉ biết than thở với chính mình: Tương tư thức mấy đêm rồi/ Biết cho ai, hỏi ai người biết cho/ Bao giờ bến mới gặp đò/ Hoa khuê các bướm giang hồ gặp nhau?

Giọng điệu và ngôn ngữ thơ dân dã, bình dị: Hai thôn chung lại một làng; có sao? bảo rằng, đã đành, nhà em có một giàn giầu; nhà anh có một hàng cau... Cách so sánh, ví von mang đậm phong cách dân gian: chín nhớ mười mong, cách trở đò giang, bao giờ bến mới gặp đò, hoa khuê các, bướm giang hồ,...

Một thanh niên sống trong thời đại của giao lưu văn hoá Đông Tây, của sự bùng nổ ý thức về cá nhân và đặc biệt đúng vào lúc luồng gió lãng mạn đang ào ạt thổi tới, vậy mà trong lĩnh vực tình cảm vẫn giữ nguyên những nét thuần hậu của xa xưa như thể phải được coi là một trường hợp đặc biệt.

Nhà phê bình Hoài Thanh đã rất tinh tế khi nhận xét rằng: trong thơ Nguyễn Bính có “hòn xưa đất nước”. Trước hết cần phải hiểu thế nào là “hòn xưa đất nước”. Muốn hiểu khái niệm “hòn xưa đất nước” theo cách diễn đạt của Hoài Thanh ta lại phải đọc tiểu luận nhan đề : “ Một thời đại trong thi ca” của chính Hoài Thanh, trong đó, cần chú ý đoạn: “ ...Phương Tây bây giờ đã đi tới chỗ sâu nhất trong hồn ta. Ta không còn có thể vui cái vui ngày trước, buồn cái buồn ngày trước, yêu, ghét, giận, hờn nhất nhất như ngày trước. Đã đành ta chỉ có chừng ấy mỗi tình như con người muôn nơi và muôn thuở. Nhưng sống trên đất Việt Nam ở đầu thế kỷ hai mươi, những mối tình của ta không khỏi có cái màu sắc riêng, cái dáng dấp riêng của thời đại...” (Thi nhân Việt Nam, nxb Văn học, 2000, tr.19).

Theo Hoài Thanh, đã có một sự thay đổi tận gốc trong tâm tư, suy nghĩ của cả một thế hệ. Đến mức người ta “ không còn có thể vui cái vui ngày trước, buồn cái buồn ngày trước” được nữa. Đó là nói chung về một thế hệ, thế hệ các nhà thơ mới 1932-1945. Còn riêng với Nguyễn

Bính thì khác. Ông có vẻ như chẳng có gì thay đổi trong tâm tư và suy nghĩ. Trong cách bộc lộ tình cảm, lối ví von, và sử dụng hình ảnh ông vẫn giữ nguyên cái phong cách chân quê đã được kết tinh qua mấy trăm năm trong thơ ca dân gian.

Trong nỗi nhớ nhung của tình yêu của một chàng trai ở đầu thế kỷ hai mươi, Nguyễn Bính không khước từ cách nói vòng của dân gian : thôn Đoài ngòi nhớ thôn Đông/ Một người chín nhớ mười mong...ông còn dùng nhiều cách nói theo lối khẩu ngữ của người nhà quê : Hai thôn chung lại một làng, bảo rằng cách trở đò ngang, nhà em có một giàn giầu/ nhà anh có một hàng cau liên phòng...

Hoài Thanh ngạc nhiên và cho rằng: “thơ Nguyễn Bính đã đánh thức người nhà quê vẫn ẩn náu trong lòng ta”. Nhưng tinh tế và chính xác hơn, ông còn cho rằng: đằng sau những câu thơ bình dị ấy có “hồn xưa của đất nước”. Và ông đã đúng.

Bài văn mẫu số 10: Phân tích bài Tương tư

Nguyễn Bính được mệnh danh là nhà thơ của đồng nội, những vần thơ nhẹ nhàng, chân chất của ông có thể dễ dàng mang đến những xúc động chân thành bên trong tâm hồn của độc giả. Tình yêu trong thơ Nguyễn Bính nhẹ nhàng nhưng vẫn ngọt ngào, sâu lắng. Một trong những bài thơ tình nổi tiếng nhất của Nguyễn Bính có thể kể đến Tương tư.

“Tương tư” là tâm sự của một chàng trai đang yêu đơn phương, sự dãi bày chân thành như mong muốn cô gái biết và đáp lại tình cảm ấy. Tâm sự của nhân vật trữ tình được nhà thơ Nguyễn Bính thể hiện bằng những lời thơ mộc mạc, chân thành mà cũng xúc động nhất:

“Thôn Đoài ngòi nhớ thôn Đông

Một người chín nhớ mười mong một người

Nắng mưa là bệnh của giời

Tương tư là bệnh của tôi yêu nàng”

Mở đầu bài thơ, tác giả Nguyễn Bính đã gợi mở ra không gian làng quê đầy bình dị, trong không gian ấy là sự xuất hiện của nhân vật trữ tình với những tình cảm chất chứa dành cho cô gái mình yêu. Mượn hình ảnh “Thôn Đoài”, “thôn Đông” tác giả không chỉ gợi ra sự gần gũi, bình dị của làng quê mà còn gợi mở khoảng cách về địa lí giữa chàng trai và cô gái mình yêu.

Tuy nhiên, khoảng cách về địa lí không thể ngăn cách được tình cảm như trào dâng da diết trong trái tim của nhân vật trữ tình “Một người chín nhớ mười mong một người”. Tình yêu, sự thương nhớ vốn là những tình cảm thường trực trong trái tim của kẻ đang yêu, ở đây nhân vật trữ tình yêu đơn phương cô gái nên tình cảm ấy càng da diết, cồn cào hơn.

Để lí giải về tình cảm chân thành mà da diết của chàng trai, tác giả Nguyễn Bính đã so sánh tình yêu của con người cũng tự nhiên như chuyện nắng mưa theo quy luật của tự nhiên “nắng mưa là bệnh của trời”, cũng như vật tương tư là thứ tình cảm sâu kín trong mỗi con người.

*“Hai thôn chung lại một làng
Cớ sao bên ấy chẳng sang bên này
Ngày qua ngày lại qua ngày*

Lá xanh nhuộm đã thành cây lá vàng”

Nếu ở bốn câu thơ đầu tiên tác giả hướng ngòi bút đến nỗi tương tư đầy da diết của nhân vật trữ tình thì ở những câu thơ tiếp theo lại là những lời như hòn giạn, trách móc sự hững hờ, vô tình của cô gái. Trái ngược với sự nồng nhiệt trong tình cảm của chàng trai thì cô gái dường như không hề hay biết có người tương tư, thương nhớ mình đến thế.

Có thể nói tác giả Nguyễn Bính đã tái hiện được những cảm xúc vô cùng chân thực của chàng trai khi yêu, đó là những phút nồng nhiệt, nhớ da diết, cũng là nỗi u sầu chất chồng nỗi niềm khi yêu mà không được đáp lại:

*“Bảo rằng cách trở đò giang
Không sang chẳng đờng sang đã đành
Nhưng đây cách một đầu đình
Có xa xôi mấy mà tình xa xôi?”*

Hàng loạt những câu hỏi dồn dập không chỉ là lời trách yêu nhẹ nhàng mà còn tạo ra sự dồn dập, lo lắng trong tâm hồn của chàng trai. Tác giả Nguyễn Bính đã mượn lối nói của dân gian như thay lời chàng trai dò hỏi tại sao cô gái lại hờ hững, vô tình như vậy.

*“Nhà em có một giàn giầu
Nhà anh có một hàng cau liên phòng
Thôn Đoài ngời nhớ thôn đông
Cau thôn Đoài ngời nhớ trâu không bên nào?”*

Đến cuối bài thơ, tác giả Nguyễn Bính đã mượn hình ảnh của hàng cau, lá trâu để hình tượng hóa cho mối quan hệ giữa nhân vật trữ tình với cô gái mình yêu. Sự lớn mạnh trong cảm xúc, mạnh dạn trong lời nói được thể hiện trong chính cách thay đổi xưng hô từ “tôi-nàng”, “anh-em”. Lời hỏi trực tiếp chân thành, táo bạo mà vẫn thể hiện sự tế nhị, mãnh liệt trong tình cảm của chàng trai.

Bằng lời thơ giản dị, tình cảm chân thành mang đậm tính đồng nội, tác giả Nguyễn Bính đã thể hiện thành công tình yêu đơn phương mãnh liệt mà không kém phần khắc khoải trong tâm hồn của chàng trai đang yêu. Cảm xúc của bài thơ có thể dễ dàng tạo nên sự đồng điệu trong cảm xúc của những người đang yêu.

CLICK NGAY vào nút **TẢI VỀ** dưới đây để tải các bài văn mẫu Phân tích bài Trương tư Văn lớp 11 file word, pdf hoàn toàn miễn phí.